

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ KONTUM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH K

Bản án số: 11/2023/HS-ST.

Ngày: 08/02/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K - TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Duy Cảnh;

Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 134/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2023 đối với:

Bị cáo Trần Ngọc Q (Tên gọi khác: BQ), sinh ngày 11/11/1982 tại K;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 78 Đoàn Thị Điểm, phường Q, thành phố K;

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trần N Q, sinh năm 1952 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1953, cùng trú tại: 78 Đoàn Thị Điểm, phường Q, thành phố K; Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền án:

1/ Ngày 26/6/2006, bị Tòa án nhân dân thị xã K xử phạt 40 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chưa được xóa án tích.

2/ Ngày 24/5/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

3/ Ngày 21/6/2010, bị Toà án nhân dân thành phố K xử phạt 36 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Tổng hợp hình phạt của hai bản án trên là 7 năm tù. Chưa được xóa án tích.

- **Tiền sự:** Ngày 15/7/2021, bị Công an phường Q, thành phố K ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Hình thức phạt tiền. Chưa chấp hành.

- **Nhân thân:**

Năm 1997 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường. Năm 1999 bị đưa vào trường giáo dưỡng.

Ngày 15/4/2003, bị Tòa án nhân dân thị xã K xử phạt 22 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã được xóa án tích.

Ngày 07/10/2021 bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện K N, tỉnh Đắk Lắk. Tại Bản án số 20/2022/HS-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện K N xử phạt bị cáo 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (08/10/2021).

Bị cáo đang chấp hành hình phạt 02 năm 09 tháng tù tại Bản án số 20/2022/HS-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện K N, tại Trại giam Đắc Tân - Bộ Công an.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh A Nh, sinh năm 1996; trú tại: Thôn Plei Tơ Nghĩa, phường Q, thành phố K, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Rơ Cầm Nh, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Plei Tơ Nghĩa, phường Q, thành phố K, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 18/6/2021, bị cáo Trần Ngọc Q nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên một mình đi bộ tìm tài sản để trộm cắp. Khoảng 03 giờ sáng ngày 19/6/2021, bị cáo đi đến trước nhà anh A Nh, thôn Plei Tơ Nghĩa, phường Q, thành phố K, thấy xe mô tô Yamaha Sirius màu đen, biển số 82B1-011.63 của anh A Nh đang dựng ở sân đường lườn bên hông nhà, Q mở cổng đi vào dắt xe ra ngoài đường, đẩy xe đi được một đoạn thì Q nổ máy điều khiển xe về cất giấu tại phòng trọ. Để che giấu hành vi trộm cắp xe của mình, Q tự viết một “Giấy bán xe” với nội dung vợ chồng anh Nguyễn Văn Linh và chị Y Byên bán cho Q xe mô tô biển số 82B1-011.63. Q tự ký vào mục người mua và người bán. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày 19/6/2021, anh A Nh phát hiện Q đang điều khiển xe mô tô đi trên đường Trần Phú, thành phố K thì báo Công an bắt giữ Q cùng xe mô tô.

Tại Kết luận định giá, kết luận: Giá trị xe mô tô BKS 82B1-011.63 tại thời điểm bị chiếm đoạt là **9.585.000** đồng.

Tại Bản kết luận giám định về chữ viết, kết luận: Chữ viết trong “Giấy bán xe” và chữ viết trong các bản tự khai của bị cáo Q là do cùng một người viết.

Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số 660/KL-VPYTW ngày 25/10/2022 của Viện pháp y tâm thần trung ương Bh, kết luận:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay Trần Ngọc Q bị rối loạn nhân cách và hành vi do sử dụng nhiều loại ma túy và sử dụng các chất tác động tâm thần khác (F19.71-ICD.10)/HBs Ag (+).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án Trần Ngọc Q bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi;

+ Hiện nay Trần Ngọc Q đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Cáo trạng số 135/CT- VKSTPKT ngày 28/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo Trần Ngọc Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, q khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 56 BLHS, xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của hai bản án, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung. Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định. Cơ quan CSĐT đã trả lại xe mô tô cho anh A Nh là đúng quy định. Bị hại và người liên quan không yêu cầu gì về TNDS nên không đề cập.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là trái pháp luật, đề nghị xét xử theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[1] Trên cơ sở lời khai của bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định:

Vào khoảng 03- 04 giờ sáng ngày 19/6/2021 tại nhà anh A Nh, thôn Plei Tư Nghĩa, phường Q, thành phố K, bị cáo Trần Ngọc Q đã lén lút chiếm đoạt của anh A Nh 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu đen trắng, BKS 82B1-011.63, giá trị 9.585.000 đồng.

Hành vi chiếm đoạt tài sản trên của bị cáo Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội này, bị cáo đã bị kết án với tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” và chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn thành phố K; bị cáo đã tái phạm nguy hiểm, nhưng lại tiếp tục tái phạm. Do đó, cần xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo để có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, khi phạm tội bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ điểm s, q khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Xét thấy cần cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo.

Bị cáo Q đã bị xử phạt 02 năm 09 tháng tù tại Bản án số 20/2022/HS-ST ngày 25/3/2022 của Toà án nhân dân huyện K N. Áp dụng Điều 56 của BLHS để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có điều kiện chấp hành hình phạt bổ sung, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác:

- *Vật chứng vụ án*: Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô 82B1-011.63 cho anh A Nh là đúng quy định pháp luật.

- *Trách nhiệm dân sự*: Bị hại anh A Nh và người liên quan ông Rơ Cầm Nhen không yêu cầu gì về TNDS nên không xem xét.

- *Về án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Ngọc Q** (Tên gọi khác: BQ) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, q khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc Q** (Tên gọi khác: BQ): **30 (Ba mươi)** tháng tù.

Áp dụng Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015. Tổng hợp với hình phạt 02 năm 09 tháng tù tại Bản án số 20/2022/HS-ST ngày 25/3/2022 của Toà án nhân dân huyện K N, tỉnh Đắk Lắk. Buộc bị cáo Trần Ngọc Q phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: **05 (năm)** năm **03 (Ba)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (**08/10/2021**).

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo Trần Ngọc Q.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Ngọc Q (Tên gọi khác: BQ) phải chịu **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/02/2023). Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- VKSND Tp. K;
- Sở tư pháp tỉnh K;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. K;
- Bộ phận HSNV Công an Tp. K;
- Chi cục THADS Tp. K;
- Hồ sơ THA hình sự; L-u HS.
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hoài